

Bán án số: 62/2018/HNGĐ - ST

Ngày 01-8-2018

“Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Mai Thị Ngọc Hân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 1, ấp A, xã Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: **Anh Lê Văn C**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 1, ấp A, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh C quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2007 và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 21/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường hay cự cãi, anh C không có trách nhiệm với gia đình, thường uống rượu về dùng vũ lực bạo hành gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có hai con chung tên Lê Huỳnh Trọng V, sinh ngày 22/7/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 03/8/2010, hiện hai con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Anh Lê Văn C có gửi bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hôn nhân lần thứ nhất của anh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T ngoại tình và được nhiều người nhìn thấy. Hiện tại, vợ chồng không sống chung nhau nhưng anh C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: thống nhất với lời trình bày của chị T có hai con chung tên Lê Huỳnh Trọng V, sinh ngày 22/7/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 03/8/2010, hiện hai con chung đang sống với chị T. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh C yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Về quan hệ tài sản chung: anh C và chị T tự thỏa thuận.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn; Về con chung: yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị tự thỏa thuận.

* Bị đơn anh Lê Văn C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị T đoàn tụ để lo cho gia đình và hai con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị tự thỏa thuận.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn Lê Văn C không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Về con chung: hiện hai con chung đang sống với nguyên đơn nên tạo điều kiện cho hai cháu ổn định về tinh thần, thể chất cũng như ổn định việc học hành nên đề nghị giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi con chung theo quy định tại điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Về cấp dưỡng: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T và bị đơn Lê Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn Lê Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về hôn nhân: Chị T, anh C tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng, anh C thường ghen tuông vô cớ về chữ mắng, bạo hành chị về thể xác lẫn tinh thần nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Riêng, anh C cho rằng chị Trang có người đàn ông khác bên ngoài, anh không xác định được việc ngoại tình của chị T là có hay không nhưng anh có ghen tuông nên vợ chồng có xảy ra cự cãi, xô xát nhưng không trầm trọng, yêu cầu được đoàn tụ với chị T.

Xét thấy, trong hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa anh C và chị T đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 21/5/2018 được chính quyền địa phương xác nhận “Tình trạng hôn nhân của bà T và ông C địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn” nhưng cả hai đều

thừa nhận có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh C không đồng ý, việc không đồng ý của anh C nhằm để gìn giữ hôn nhân, hàn gắn hạnh phúc gia đình, Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho anh C hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng không có kết quả. Mặt khác, cả hai đã ly thân nên hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau, không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh C và chị T có hai con chung tên Lê Huỳnh Trọng V, sinh ngày 22/7/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 03/8/2010. Anh C và chị T đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Xét thấy, tại biên bản xác minh được chính quyền địa phương xác nhận “Cháu Lê Huỳnh Trọng V và Lê Huỳnh Trọng K đang được ông C nuôi dưỡng tại nhà” nhưng tại biên bản lấy lời khai do Tòa án lập ngày 28/3/2018 thể hiện cháu V, cháu K đang với chị T và nguyện vọng của hai cháu yêu cầu được sống cùng với chị T sau khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, anh C thừa nhận đi làm ăn xa từ sau tết nguyên đán đến nay, không thường xuyên về nhà, không gửi tiền về nuôi dưỡng con chung, hiện các con đang sống với bà T. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho hai con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh và thu nhập cá nhân của chị T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Chị T và gia đình chị T phải tạo điều kiện cho anh C được thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

*** Xử :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Văn C.

[2] Về con chung: Chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Lê Huỳnh Trọng V, sinh ngày 22/7/2008 và Lê Huỳnh Trọng K, sinh ngày 03/8/2010.

Chị T và gia đình chị T phải tạo điều kiện cho anh C được thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L theo biên lai thu số 0005084 ngày 13/3/2018. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam